**MÔN: TIẾNG VIỆT Lớp 2…..**

# CHỦ ĐIỂM 1: EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 2)

# BÀI 3: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI? Số tiết: 11 - 14

*Thời gian thực hiện: Ngày ………………. tháng..… năm……..*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Biết cách xem lịch và nói được ích lợi của lịch; nêu được phỏng đoán của bản thânvề nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  
 - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: Chúng ta cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian; biết liên hệ bản thân: chăm chỉ học hành, không để lãng phí thời gian; tìm được 3 – 5 từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có trong bài thơ.  
 - Viết đúng kiểu chữ hoa Ă, Â và câu ứng dụng.  
 - Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu. Tìm và đặt câu giới thiệu một bạn cùng lớp.  
 - Trao đổi những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.

- **Năng lực chung:**

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- **Năng lực riêng:** Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự việc trong đời sống xã hội).

**Phẩm chất**

- Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*.

- Giúp HS nhận thức được mình đã lớn hơn so với năm học lớp Một; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc nhà vừa sức; bước đầu biết quý trọng thời gian, lập thời gian biểu và làm mọi việc theo thời gian biểu.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-GV : Laptop; SGK, tranh chủ đề ( nếu có), bảng phụ ghi câu văn dài, video,…

-HS : SGK,…

**III. Hoạt động dạy chủ yếu:**

**TIẾT 11 + 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - GV cho SH quan sát hình ảnh tờ lịch, hướng dẫn trả lời câu hỏi:  + Đọc các nội dung trên tờ lịch.  + Chúng ta cần lịch để làm gì?  - GV dẫn dắt vào bài học: Trong gia đình của chúng ta, đều có những tờ lịch treo tường như hình ảnh vừa quan sát. Tờ lịch có rất nhiều ích lợi. Nhìn vào tờ lịch, chúng ta có thể biết được rất nhiều việc mà các em đã làm được và chưa làm được của ngày hôm qua. Chúng ta cùng đọc và tìm hiểu bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi? sẽ tìm được câu trả lời thú vị. Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay - Bài 3: Ngày hôm qua đâu rồi?.  - GV ghi tựa bài. | **\*BHT điều khiển:**  - Hát  - HS Quan sát và trả lời.  + Nội dung trên tờ lịch: Thứ 7 ngày 25 tháng 9 năm 2021; ngày 19 tháng 8 năm 2021.  - **Cá nhân:** HS trả lời câu hỏi.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  Chúng ta cần lịch để: xem thứ, ngày, tháng âm lịch và dương lịch  - Học sinh lắng nghe.  -HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập**  **2.1. Luyện đọc thành tiếng**  **\*Hướng dẫn đọc từ khó:**  - Yêu cầu HS mở SGK.  - GV đọc mẫu toàn bài nói cách đọc: Đọc phân biệt giọng nhân vật:  -Giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng người bố thể hiện sự ân cần, vui vẻ.  + Ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.  **\* Giao việc:** Yêu cầu HS đọc bài và tìm từ khó đọc và câu văn dài.  - GV hướng dẫn HS:  + Luyện đọc một số từ khó: toả hương, ước mong,…  **\*GV chia đoạn :**  - GV hướng dẫn HS  - GV mời 4 HS đọc bài (Mỗi HS 1 đọc 1 khổ thơ):  **- HD đọc câu khó trong khổ thơ 1**  **-**Trong khổ thơ 1 có câu hỏi của ai ? ta cần đọc như thế nào cho hay ?  **- GV đưa khổ thơ 2**:  - GV đọc nhấn giọng chữ trong vườn, tỏa hương.  - Yêu cầu hs dựa cách đọc của cô và đọc lại  -Tương tự như vậy cho hs nêu cách đọc của hai khổ thơ cuối.  - GV nhận xét và đưa cách đọc  - Nghỉ hơi mỗi dòng và nhần giong các từ ước mong, vẫn còn  -Giải nghĩa từ : *gặt hái* (thu hoạch), *ước mong* (mong muốn, ước ao).  - GV chia HS thành các nhóm nhỏ, luyện đọc theo 4 đoạn.  -Yêu cầu hs đọc nối tiếp đoạn.  **\*HD đọc đoạn trong nhóm lần 2**  **-** Đọc đoạn trong nhóm đánh giá nhận xét theo tiêu chí sau**:** Đọc đúng, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.  - Tổ chức HS đọc nối tiếp lần 2.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Yêu cầu đọc toàn bài.  - GV nhận xét. | - Học sinh lắng nghe.  **\* Cá nhân:** HS đọc bài và tìm từ khó đọc.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp các từ khó nhận xét, đánh giá.  -HS luyện đọc từ khó  - HS đánh dấu vào SGK  -4 em đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp  + HS1(Đoạn 1): từ đầu đến “bố cười”.  + HS1 (Đoạn 2): tiếp theo đến “tỏa hương”.  + HS3 (Đoạn 3): tiếp theo đến “ước mong”.  + HS4 (Đoạn 4): đoạn thơ còn lại.  -Câu hỏi của bạn nhỏ, đọc cao giọng ở cuối câu.  - 4 HS luyện đọc lại câu  -HS đọc  - HS nêu nhấn giọng từ ước mong, vẫn còn  -HS luyện đọc  -HS giải nghĩa từ - HS khác bổ sung.  **\* Nhóm 4:** HS luyện đọc theo nhóm.  - Nhóm trưởng phân công cho bạn đọc tiếp nối đoạn trong nhóm 4.  - Lắng nghe nhận xét bạn đọc theo tiêu chí.  **\* Toàn lớp:** HS đọc tiếp nối đoạn - HS lắng nghe nhận xét bạn đọc theo tiêu chí. HS tự đánh giá và đánh giá bạn đọc theo tiêu chí.  **\* Nhóm 4:** HS luyện đọc theo nhóm.  - Nhóm trưởng phân công cho bạn đọc tiếp nối đoạn luân phiên trong nhóm 4.  - Lắng nghe nhận xét bạn đọc theo tiêu chí.  **\* Toàn lớp:** 2 nhóm đọc tiếp nối đoạn – HS tự đánh giá và đánh giá bạn đọc.  - HS lắng nghe, nhận xét.  -1 em đọc – HS theo dõi nhận xét. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 12** | |
| **2.2. Luyện đọc hiểu**  - GV yêu cầu HS đọc toàn bài để trả lời các câu hỏi.  - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.  **-Rút nội dung ghi bảng lớp**: Cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian.  -Chuyển ý sang hđ tiếp theo. | **\* Cá nhân:**  -Việc 1: Học sinh đọc lại bài.  -Việc 2: Đọc các câu hỏi.  -Việc 3: Trả lời các câu hỏi bằng cách gạch trong sách hoặc viết câu trả lời ra giấy nháp.  **\* Nhóm 4**:  - Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi.  - Mời các bạn trong nhóm trả lời.  - Mời bạn nhận xét, sửa sai cho bạn.  - Chốt câu hỏi đúng.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS nhận xét, đánh giá mình và đánh giá bạn.  Câu 1: Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?  **+** Bạn nhỏ hỏi bố “Ngày hôm qua đâu rồi?”.  Câu 2: Theo bố, ngày hôm qua ở lại những nơi nào?  - Theo bố, ngày hôm qua ở lại những nơi: cành hoa trong vườn, hạt lúa mẹ trồng, vở hồng của con.  Câu 3: Ngày hôm qua của em ở lại những đâu?  - Ngày hôm qua ở lại trên trang vở, trên sân trường,...).  - Thời gian trôi đi sẽ không ở lại, vậy để thời gian trôi đi đi vô ích em cần làm gì?  + Chăm chỉ học hành, lao đông giúp cha mẹ; làm việc tốt giúp mọi người quanh em, chung tay bảo vệ môi trường, chống dịch bệnh….  - HS nêu: Em chăm chỉ học hành, lao đông giúp cha mẹ – HS nhận xét, bổ sung.  - Hs đọc nội dung: Cần làm những việc có ích để không lãng phí thời gian. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Luyện đọc lại**  - GV yêu cầu nêu lại giọng đọc bài thơ Ngày hôm qua đầu rồi?  - GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.  - GV tổ chức cho hs đọc trong nhóm.  + Đọc 2 khổ thơ đầu.  - Yêu cầu hs đọc 2 khổ thơ đầu.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV tổ chức HS học thuộc 2 khổ thơ em thích.  + Đọc thuộc lòng khổ thơ thứ nhất và thứ 2.  -Gọi hs xung phong đọc thuộc  -GV nhận xét.  **\*Thi đọc trước lớp:**  -GV nhận xét chung phần đọc thi đọc và tuyên dương nhóm đọc tốt.  -Chuyển ý sang HĐ tiếp theo | - Đọc bài thơ với giọng nhân vật: Giọng bạn nhỏ thể hiện sự ngạc nhiên; giọng người bố thể hiện sự ân cần, vui vẻ.  -HS lắng nghe.  **\* Nhóm 2:** HS đọc nối tiếp đọc trong nhóm lắng nghe góp ý nhận xét, sửa sai cho bạn.  **\* Cá nhân:** HS đọc 2 khổ thơ em thích.  **\*Toàn lớp:** HS đọc thuộc lòng trước lớp.  - Lớp nhận xét theo tiêu chí.  +Đọc trôi chảy, đọc đúng câu hỏi, ngắt hơi sau mỗi dòng, nghỉ hơi lâu khi đọc hết khô thơ 1,  **\*Toàn lớp:** Thi đọc trước lớp 2 nhóm với nhau.  - Nói tiêu chí cho hs bình chọn:  + Đọc đúng, rành mạch, ngắt nghỉ hơi đúng, đọc rõ lời nhân vật  - Lớp nhận xét bình chọn bạn đọc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 3:** Luyện tập mở rộng  - Yêu cầu HS đọc câu hỏi phần Trang vở hồng của em SHS trang 19:  - GV hướng dẫn HS: đọc lại bài thơ để tìm ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm trong bài từ ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động.  - GV mời đại diện HS trình bày câu trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá các nhóm tìm được từ nhanh và chính xác.  -Yêu cầu hs nêu lại.  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới.  - Nhận xét tiết học. | -HS lắng nghe  -HS đọc lại bài thơ  **\* Nhóm 2:** HS tìm trong bài từ ngữ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - HS nhận xét, đánh giá mình và đánh giá bạn.  **\*Dự kiến:**  **+ Đồ vật:** lịch, vở.  **+ Cây cối:** nụhồng, lúa.  **+ Hoạt động:** cầm, ra, hỏi, trồng, gặt hái, học hành.  -HS nêu lại các từ chỉ đồ vật, cây cối, hoạt động.  - HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 13 - Viết chữ hoa Ă, Â** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Kiểm tra dụng cụ học phân môn Tập viết và giới thiệu về phân môn Tập viết.  - Giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát  - HS lắng nghe  -HS nhắc lại tựa |
| **Hoạt động 2 : Luyện viết chữ hoa Ă, Â**  **2.1.Luyện viết chữ A hoa**  ***-Bước 1: Hoạt động cả lớp***  - GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa Ă, Â: Độ cao, độ rộng.  - GV hướng dẫn HS quan sát nhận xét mẫu chữ.  https://f17-zpg.zdn.vn/2638237468832324458/c88ce1bf86ce719028df.jpghttps://f42-zpg.zdn.vn/2504214642726086702/80e821d846a9b1f7e8b8.jpg    **-Hỏi** :Chữ hoa Ă, Â gồm mấy nét? Đó là những nét nào?  - GV nx chốt về cấu tạo chữ hoa Ă, Â.  -Cho hs nêu quy trình viết.  -Gọi hs trình bày, GV nhận xét.  - GV viết mẫu lên bảng kết hợp lời giảng.  - Cho hs viết vào bảng con.  - GV nhận xét uốn nắn cho HS cách viết các nét..  - Nhắc lại yêu cầu trước khi viết, tư thế ngồi cách cầm bút ..  - Cho hs viết vào vở Tập viết.   1. **2. Luyện viết câu ứng dụng**   - GV giới thiệu câu ứng dụng: *Ăn chậm nhai kĩ.*  - GV yêu cầu 1 HS đứng dậy đọc to câu trong phần Viết ứng dụng: *Ăn chậm nhai kĩ.*  - Em hãy cho biết nghĩa của câu Ăn chậm nhai kĩ.  - Giải nghĩa: GV chốt và giáo dục trong khi ăn. Ý nghĩa, tác dụng của việc ăn chậm, nhai kĩ sẽ giúp chúng ta tiêu hóa thức ăn dễ dàng hơn, có lợi cho sức khỏe.  - GV tổ chức cho HS trao đổi các con chữ trong câu ứng dụng.  - GV chốt nói các con chữ trong câu ứng dụng.  - GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp:  **Ăn chậm nhai kĩ***.*  + Viết chữ viết hoa Ă đầu câu.  + Cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường: Nét 1 của chữ n tiếp liền với điểm kết thúc nét 3 của chữ viết hoa Ă.  - GV yêu cầu HS viết câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ vào vở Tập viết.  -GV theo dõi giúp đỡ | - HS lắng nghe.  **\*Cá nhân:** HS quan sát mẫu chữ và nêu quy trình viết chữ A hoa.  -Có 3 nét giống với chữ A  -Nét 1 nét móc ngược trái nhưng hơi lượn ở phía trên và nghiêng về bên phải, nét 2 là nét móc ngược phải và nét 3 là nét lượn ngang, thêm đấu trên đầu chữ  - HS lắng nghe quan sát GV viết mẫu.  **\*Cá nhân:** HS nêu quy trình viết.  + Nét 1: Đặt bút ở đường kẻ ngang 2 và đường kẻ dọc 2, viết nét móc ngược trái từ dưới lên, nghiêng về bên phải và lượn ở phía trên, dừng bút ở giữa giao điểm của trên đường kẻ ngang 3 và đường kẻ dọc 3.  + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải đến điểm giao đường kẻ ngang 1 và đường kẻ dọc 3 thì dừng bút trên dòng kẻ ngang 1.  + Viết nét lượn ngang: Từ điểm kết thúc nét 2  lia bút lên đến phía trên đường kẻ ngang 2.  + Sau đó viết thêm dấu á (viết nét cong dưới nhỏ trên đỉnh đầu chữ A) hoặc dấu mũ (viết nét thẳng xiên ngắn trái nối với nét thẳng xiên ngắn phải trên đầu chữ A).  - HS lắng nghe.  -HS viết bảng con chữ Ă, Â  -HS viết bài vào vở  - HS lắng nghe.  - HS đọc to câu trong phần Viết ứng dụng.  - Câu ăn chậm, nhai kĩ sẽ giúp chúng ta tiêu hóa thức ăn dễ dàng hơn.    **\* Nhóm 2:** Trao đổi các con chữ trong câu ứng dụng.  - Câu ứng dụng có mấy tiếng?  -Trong câu ứng dụng, có chữ nào phải viết hoa?  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  -Có 4 tiếng.  - Có chữ Ăn phải viết hoa.  - HS quan sát trên bảng lớp.  - HS viết vào vở Tập viết. |
| **2.3. Luyện viết thêm**  - GV giới thiệu câu ca dao.  - Gọi HS đọc câu ca dao.  - Giúp HS hiểu nghĩa câu ứng dụng:  *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.*  + “Quả” được xem là thứ quý giá và thơm ngon nhất của cây. Để có được nó, người nông dân, tức là “kẻ trồng cây” phải mất khá nhiều thời gian để tưới tiêu cũng như bỏ công ngày đêm chăm sóc cho cây. Chính vì thế, khi ăn một “quả” thơm ngon nào đó, bạn chớ vội quên công lao của “kẻ trồng cây” đã nhọc công chăm sóc.   + Nghĩa sâu xa hơn mà ông bà ta muốn gửi gắm đến con cháu sau này chính là lòng biết ơn. Khi đang hưởng thụ một thành quả tốt đẹp, bạn nên biết ơn người đã tạo ra thành quả đó, bởi thành quả mà chúng ta đang hưởng thụ không phải tự nhiên mà có. Nó là cả một quá trình lao động, sáng tạo, đổ mồ hôi, nước mắt, kể cả xương máu của biết bao lớp người, qua biết bao thế hệ.  - GV hỏi HS: Có bao giờ các em tự hỏi Vì sao các em có được cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay?  - GV yêu cầu HS viết câu ca dao Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng vào vở Tập viết. | - HS qan sát.  **-** HS đọc câu ca dao.  **\*Nhóm 4:** Trao đổi nghĩa câu ca dao  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:** Khi ăn một “quả” thơm ngon nào đó, bạn chớ vội quên công lao của “kẻ trồng cây” đã nhọc công chăm sóc.  -Lắng nghe  - HS trả lời: Không chỉ là công sức ngày đêm học tập, rèn luyện sức khỏe, chăm chỉ lao động của các em, mà nó là cả công lao nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ của ông bà, cha mẹ và thầy cô giáo.  - HS khác nhận xét bổ sung.  - HS viết vào vở. |
| **2.4. Đánh giá bài viết**  - GV cho HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.  - GV nhận xét nhanh một số vở  - GV yêu cầu HS sửa lại bài viết nếu chưa đúng.  - GV khen ngợi những HS viết đúng, viết đẹp. | - HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn trong nhóm  - Lắng nghe. |
| **TIẾT 14 - Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai làm gì?** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát.  - Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành**  **Bài 3:**  - GV yêu câu đọc BT3 /20.  ***-*** GV hướng dẫn HS: quan sát tranh, đọc mẫu, tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. Mỗi HS có thể nói các từ ngữ khác nhau.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2.  - GV mời đại diện HS đại diện trình bày kết quả  -GV mời đại diện 2-3 HS đại diện trình bày kết quả.  - GV hướng dẫn HS tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài tập.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **- Hỏi:** Những từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối là những từ chỉ gì?  - GV rút ra KL: Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối. | -1 em đọc Tìm từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối) phù hợp với từng tranh.  M: 1. Cô giáo.  - HS quan sát, đọc mẫu, tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. Mỗi HS có thể nói các từ ngữ khác nhau, ví dụ: bạn nam, bạn nữ/đôi bạn.  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2***: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.*  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  - Các từ ngữ chỉ sự vật trong từng bức tranh:  -Tr1: Cô giáo ; Tranh 2: Đôi bạn.  -Tr3:Quyển sách; Tranh 4: Cái bút  -Tr 5:Con mèo; Tranh 6: Con trâu.  -Tr 7: Câydừa; Tranh 8: Cây cam.  + Ngoài những từ có trong tranh em tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật mà em biết?  -Những từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài tập: xe ô tô, cái bàn, quyển vở,  hộp bút, cây mít, thầy giáo,...  - Chỉ sự vật.  - HS nhắc lại. |

|  |  |
| --- | --- |
| **4.1. Nhận diện câu giới thiệu**  **Bài 4a:**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  **- Giảng**: Câu giới thiệu là câu được dùng để cho biết một vài điều cần thiết như họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ,...của bản thân hoặc một người đó.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - Dựa vào khái niệm câu giới thiệu ở trên để tìm câu trả lời đúng.  - GV mời HS đại diện trình bày kết quả.  - GV mời HS trả lời câu hỏi: Tại sao em lại chọn đáp án Em là học sinh lớp 2 là câu giới thiệu?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài. Câu nào là câu giới thiệu  Em là học sinh lớp Hai.  Em rất thích học bơi.  Em đang tập thể dục.  - HS lắng nghe.  **- Nhóm 2:** HS trao đổi nhóm tìm câu trả lời đúng.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  - HS trả lời: Đáp án đúng là Em là học sinh lớp 2.  - Vì câu: Em là học sinh lớp 2 cho biết, giới thiệu thông tin của bạn nhỏ này là học sinh lớp 2. |
| **4.2. Đặt câu giới thiệu**  **Bài 4b:**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS quan sát mẫu câu.  -Trong câu trên: Bạn Vân Anh là bộ phận câu trả lời cho câu hỏi nào ?  -Vì sao em biết ?  - là tổ trưởng tổ em là bộ phận câu trả lời cho câu hỏi nào ?  -Từ câu mẫu chúng ta có thể đặt nhiều câu khác nhau bằng cách thay đổi tên chỉ người và giới thiệu nghề nghiệp, chức vụ, tính tình...  - GV tổ chức cho HS chơi trò Truyền hoa, nói miệng câu em đặt về bạn cùng lớp.  - GV nhận xét về các câu HS nói, chỉnh sửa nếu HS nói sai.  - Yêu cầu HS viết vào vở bài tập 1-2 câu giới thiệu về bạn học cùng lớp.  - GV chốt cách trình bày đúng ngữ pháp.  - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương. | - Học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Hs đọc câu mẫu.   |  |  | | --- | --- | | Ai (cái gì, con gì) | Là gì ? | | Bạn Vân Anh | là tổ trưởng tổ em . |   -Trả lời cho câu hỏi Ai  -Từ chỉ người  -Bạn Vân Anh.  - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe, tự soát câu của mình.  **- Toàn lớp:** HS viết bài. HS đọc bài trước lớp. HS khác nhận xét bổ sung.  + Lan là bạn thân nhất của em.  + Hùng là bạn học cùng lớp với em.  +Tú là học sinh giỏi của lớp.  +Tâm là người bạn tốt bụng.  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**  - GV yêu cầu HS đọc, nêu yêu cầu: Trao đổi những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.  - Yêu cầu HS trao đổi với bạn bè nhóm 4, TLCH sau:  - GV mời đại diện HS nói trước lớp.  - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương.  - GV dặn dò HS trao đổi với người thân tại nhà.  - GV nhận xét khen HS.  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới.  - Nhận xét tiết học. | -Đọc, nêu yêu cầu.  **\* Nhóm 4:** suy nghĩ và câu trả lời cho mỗi câu hỏi gợi ý.  + Những việc em thường làm vào cuối tuần và thời gian em làm mỗi việc.  + Những khoảng thời gian trống.  + Những việc em nên làm vào khoảng thời gian trống.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  - Đi xem phim vào buổi tối thứ bảy.  - Học tiếng Anh vào sáng chủ nhật  - Thăm ông bà, đi du lịch cùng ba mẹ...  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện hoạt động tại nhà.  - HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***…..………………………………………………………………………………………***

***…………………………………………………………………………………………***

**MÔN: TIẾNG VIỆT Lớp 2…..**

# CHỦ ĐIỂM 1: EM ĐÃ LỚN HƠN (TUẦN 2)

# BÀI 4: ÚT TIN Số tiết: 15 - 20

*Thời gian thực hiện: Ngày …. tháng..… năm……..*

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Nói về những điểm đáng yêu ở một người bạn của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.  
 - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: Nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc; biết liên hệ bản thân: tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người; giữ gìn những nét đẹp đáng yêu.  
 - Nhìn – viết đúng đoạn thơ; làm quen với tên gọi của một số chữ cái; phân biệt g/gh.  
 - MRVT về trẻ em (từ ngữ có tiếng sách, học); đặt câu với từ ngữ tìm được.  
 - Nghe – kể: Thử tài.  
 - Lập thời gian biểu một buổi trong ngày.  
 - Chia sẻ một bài đã đọc về trẻ em.  
 - Trang trí thời gian biểu và nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu.

**Năng lực**

- **Năng lực chung:**

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- **Năng lực đặc thù :** Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về sự việc trong đời sống xã hội).

**Phẩm chất**

- Bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*.

- Giúp HS nhận thức được mình đã lớn hơn so với năm học lớp Một; bước đầu thể hiện trách nhiệm với bản thân và gia đình bằng cách tham gia làm những việc nhà vừa sức; bước đầu biết quý trọng thời gian, lập thời gian biểu và làm mọi việc theo thời gian biểu.

**II. Đồ dùng dạy học**

-GV : Laptop; SGK, tranh chủ đề ( nếu có), bảng phụ ghi câu văn dài, video,…

-HS : SGK, HS mang tới lớp ảnh chụp bản thân để tự giới thiệu, truyện đã đọc về trẻ em…

**III. Hoạt động dạy chủ yếu:**

**TIẾT 15**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: Nói về những điểm đáng yêu của một người bạn theo gợi ý.  - GV Trong lớp chúng ta, chắc chắn sẽ có những đôi bạn chơi thân với nhau. Chúng ta thích chơi với bạn không chỉ vì lí do bạn là người học rất giỏi, là tấm gương để học tập, bạn ở gần nhà chúng ta mà còn có thể ở những nét rất đáng yêu của bạn. Bài học ngày hôm nay cũng sẽ tìm hiểu về những nét đáng yêu của một người bạn tên là Út Tin. Chúng ta cùng vào Bài 4: Út Tin để tìm hiểu về những nét đáng yêu đó.  - Gv ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Hát  - **Cá nhân:** HS trả lời câu hỏi.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  - Lan Anh cười rất tươi.  - Minh là một người bạn vui tính.  - Linh có má lúm đồng tiền trông rất duyên.  - Ngọc có mái tóc đen óng ả.  - Xuân đeo chiếc kính hồng rất dễ thương.  - HS lắng nghe.  -HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập**  **1.Luyện đọc thành tiếng**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa bài đọc, trả lời câu hỏi: Quan sát bức tranh, em cảm thấy Út Tin là cậu bé như thế nào?  **-** GV đọc mẫu toàn bài: nói cách đọc:  - Giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc.  + Hai câu cuối giọng vui tươi, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn.  **\* Giao việc:** Yêu cầu HS đọc bài và tìm từ khó đọc và câu văn dài.  - GV hướng dẫn HS:  + Luyện đọc một số từ khó**: *xén, lém lỉnh, trêu,…***  **\*HD đọc đoạn**  - GV mời 3 HS đọc bài:  + HS1(Đoạn 1): từ đầu đến “gọn gàng”.  + HS1 (Đoạn 2): tiếp theo đến “trốn trong mắt em”.  + HS3 (Đoạn 3): đoạn còn lại.  + Một số câu dài: Tôi thấy như/ có trăm vì sao bé tí/ cùng trồn trong mắt em// Hai má phúng phính/ bỗng thành cái bánh sữa/ có rắc thêm mấy hạt mè//.  - GV chia HS thành các nhóm nhỏ, luyện đọc theo 3 đoạn.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Gọi HS đọc nối tiếp đoạn.  **+** Đánh giá nhận xét theo tiêu chí sau**:** Đọc đúng, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.  - Yêu cầu đọc toàn bài.  - GV nhận xét, tuyên dương. | -Quan sát bức tranh, em cảm thấy Út Tin là một cậu bé lanh lợi, vui vẻ, hoạt bát, đáng yêu.  - HS mở SGK/ 21.  - Học sinh lắng nghe.  **\* Cá nhân:** HS đọc bài và tìm từ khó đọc và câu văn dài.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp các từ khó nhận xét, đánh giá.  -HS luyện đọc từ khó – HS nhận xét.  -HS đánh dấu vào SGK  - HS luyện đọc.  **\* Nhóm 3:** HS luyện đọc theo nhóm.  - Nhóm trưởng phân công cho bạn đọc tiếp nối đoạn trong nhóm 3.  **+** Đọc đoạn trong nhóm đánh giá nhận xét theo tiêu chí sau**:** Đọc đúng, ngắt nghỉ hơi đúng chỗ.  - Lắng nghe nhận xét bạn đọc theo tiêu chí.  **\* Toàn lớp:** 2 nhóm đọc tiếp nối đoạn – HS tự đánh giá và đánh giá bạn đọc theo tiêu chí.  -1 em đọc – Lớp theo dõi nhận xét. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.2. Luyện đọc hiểu**  - GV gọi HS giải nghĩa của một số từ khó: GV đọc câu rút từ : vệt  -GV đọc câu: rút từ hếch, dô, phinh phính, béo  -GVgiải nghĩ: Hệt: giống đến mức trông không khác một chút nào.  - GV yêu cầu HS đọc toàn bài để trả lời các câu hỏi.  - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.  - GV yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, chốt ý đúng.  **-Chốt:** Trên khuôn mặt, những nét thay đổi ấy em cần được tôn trọng  **-Rút nội dung** : Cần tôn trọng nét đáng yêu của mỗi người, giữ gìn những nét đáng yêu.  - Út Tin khi đi cắt tóc về có nhiều thay đổi. Vậy em thấy mình có nét gì thay đổi đáng yêu khi bây giờ mình là hs lớp 2? | - HS giải nghĩa của một số từ khó.  + Vệt: hình dài nổi rõ trên bề mặt một vật, do tác động của một vật khác đi qua.  - Em hiểu dô có nghĩa là gì?  + Dô: lồi lên cao hoặc nhô ra phía trước quá mức bình thường  - Cắt tóc xong khuôn mặt Út Tin thế nào?  + Lém lỉnh  + hếch: chếch lên phía trên  + Bẹo: véo( chỉ hoạt động)  + Phúng phính: béo, căng tròn, thường dùng gợi tả mặt, má của trẻ em.  **\* Cá nhân:**  -Việc 1: Học sinh đọc lại bài.  -Việc 2: Đọc các câu hỏi.  -Việc 3: Trả lời các câu hỏi bằng cách gạch trong sách hoặc viết câu trả lời ra giấy nháp.  **\* Nhóm 4**:  - Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi.  - Mời các bạn trong nhóm trả lời.  - Mời bạn nhận xét, sửa sai cho bạn.  - Chốt câu hỏi đúng.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp – HS nhận xét, đánh giá mình và đánh giá bạn.  + Câu 1: Sau khi cắt tóc, gương mặt Út Tin như thế nào?  (Sau khi cắt tóc, gương mặt Út Tin trông lém lỉnh hẳn. ).  + Câu 2: Đôi mắt của Út Tin có gì đẹp?  (Đôi mắt của Út Tin hệt như vì sao đang cười).  + Câu 3: Vì sao tác giả nghĩ Út Tin không thích bị bẹo má? (Út Tin không thích bị bẹo má vì Út Tin đã là học sinh lớp 2 rồi).  - HS lắng nghe.  - HS trả lời: Nội dung của bài học nói về nét đáng yêu của Út Tin sau khi cắt tóc.  - Mắt em to, đen, nước da em trắng. Nụ cười tươi...  -HS đọc |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.3. Luyện đọc lại**  - GV hướng dẫn HS giọng đọc :  + Đoạn 1,2: Giọng thong thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm riêng của Út Tin sau khi cắt tóc.  - Yêu cầu HS đọc đoạn 1,2  + Đoạn 3: Hai câu cuối giọng vui tươi, tự hào vì Út Tin đã lớn hơn.  - Yêu cầu HS đọc đoạn 3  - GV đọc đoạn 2 từ “Quanh hai tai” đến “trong mắt em”.  - GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 2, đoạn 2 từ “Quanh hai tai” đến “trong mắt em”.  - Yêu cầu HS đọc thi theo nhóm.  -GV nhận xét chung phần đọc thi đọc.  - GV mời 1 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài.  Chuyển ý sang HĐ tiếp theo.  **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**  - Nêu lại ND bài ?  - GDTT: .  - GV nhận xét khen HS.  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới.  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe.  **\* Cá nhân:**  HS đọc bài - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  **\* Nhóm 2**: HS đọc đoạn trong nhóm cho nhau nghe, nhận xét bạn.  **\* Toàn lớp:** Lớp trưởng tổ chức cho các bạn thi đọc trước lớp.  - Mời các bạn nhận xét bạn đọc theo các tiêu chí.  - Lớp nhận xét bình chọn bạn đọc hay.  - HS đọc bài tự đánh giá phần đọc của mình - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  **\* Cá nhân :** Trả lời câu hỏi của GV.  **\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 16**

**Nhìn - viết: Ngày hôm qua đâu rồi?**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát.  - Kiểm tra đồ dùng học tập của các bạn - Nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Nhìn - viết**  **2.1.Nghe – viết**  - GV đọc 2 khổ thơ cuối bài thơ Ngày hôm qua đâu rồi?.  - GV yêu cầu 1 HS đọc lại.  **-**Yêu cầu hs tìm chữ khó mà bản thân hoặc bạn hay viết sai.  - GV chốt các từ trọng tâm và hướng dẫn HS phân biệt chính tả: gặt hái, chín vàng, chăm chỉ,…  g**ặt** hái/ gặc  **chín** v**àng** / chính vàn  **ch**ăm **ch**ỉ / tr  -Đọc từ khó cho hs viết vào bảng con  **b.HD nghe viết**  - Đọc lại đoạn viết  + Hướng dẫn cách trình bày  - Nhăc hs từ thế ngồi và cầm bút  - GV đọc cho HS viết bài, quan sát HS viết.  -GV đọc rõ rang từng cụm từ cho hs viết.  -GV đọc cho HS soát bài  -Yêu cầu HS báo lỗi sai GV sửa trên bảng.  - Thu kiểm tra nhận xét một số vở  - Nhận xét chung | - HS lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS đọc bài.  - Đoạn thơ vừa đọc nói về nội dung gì?  + HS trả lời: Nội dung đoạn thơ nói về việc người bố giải thích cho người ngày hôm qua ở lại trong hạt lúa mẹ trồng, trong trang vở hồng của con.  **\* Cá nhân:** HS tìm từ khó viết.  - HS nêu từ khó viết.  - HS phân tích từng từ nói cách viết, tìm từ phân biệt chính tả.  - gặt : g + ắt + dấu nặng… , gục gặc,  - chín: ch + in + dấu sắc, v + ang + dấu huyền ..chính vàn,  - chăm : ch + ăm, chỉ: ch + dấu hỏi,  - Nghe viết vào bảng con chữ khó  - 1 HS đọc lại bài.  **- Dự kiến**:  - Bài viết có mấy khổ thơ?  + Bài viết có 2 khổ thơ.  - Mỗi khổ thơ có mấy dòng?  + Mỗi khổ thơ có 2 dòng.  - Bài viết trình bày như thế nào?  + Bài viết trình bày là mỗi dòng thơ lùi vào một ô.. Viết dấu chấm cuối mỗi khổ thơ.  - Những chữ nào trong bài được viết hoa?  + Các chữ đầu dòng thơ phải viết hoa.  - HS nghe viết bài vào vở.  -HS tự soát bài của mình bằng bút chì.  **\* Nhóm 2:** Đổi chéo vở nhận xét, đánh giá bài bạn.  - HS sửa sai nếu có viết lại thành một dòng.  - 3 – 4 HS nộp vở. |
| **Hoạt động 3 : Luyện tập – thực hành**  **Bài tập 2b/ 14**  **-** Yêu cầu HS đọc câu hỏi: Tìm chữ cái thích hợp với mỗi. Học thuộc tên các chữ cái trong bảng.  - Yêu cầu HS quan sát các chữ cái đã cho trong bảng một lần.  - GV cho HS chơi trò Tiếp sức. HS ghép thẻ từ ghi chữ cái phù hợp với thẻ từ ghi tên chữ cái.  -Phổ biến luật chơi.  - GV tổ chức HS chơi trò chơi.  -Tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng  - GV yêu cầu HS đọc lại bảng tên chữ cái đã hoàn thành.  - GV hướng dẫn HS đọc thuộc bảng chữ cái.  - Yêu cầu HS đọc trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1HS nêu yêu cầu bài tập. Tìm chữ cái thích hợp với mỗi. Học thuộc tên các chữ cái trong bảng.  - HS quan sát các chữ cái đã cho trong  bảng.  - HS lắng nghe.  **\* Toàn lớp:** Cử hai đội chơi mỗi đội 4 em  -HS tham gia chơi – HS đánh giá nhận xét.  https://img.loigiaihay.com/picture/question_lgh/2021_41/1621929065-zi5m.jpg  - 1HS đọc.  - HS nhẩm đọc thuộc bảng chữ cái.  -HS xung phong đọc thuộc  - HS lắng nghe - HS nhận xét. |
| **Bài tập 2c/ 14 Phân biệt g/gh**  **-** Cho HS nêu yêu cầu.  - GV yêu cầu HS làm bài.  - Cho hs chữa bài trên bảng phụ  - Cho hs đối chiếu với đáp án đúng  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt kết quả đúng.  **-Chốt** quytắc viết chính tả bằng g/gh  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Hoạt động 4: Vận dụng, trải nghiệm**  - GV yêu cầu HS nêu kết quả và nói thời gian bạn nữ làm mỗi việc trong ngày.  - Đánh giá tiết học.  **\* Ứng dụng:** Về nhà luyện viết đúng, đẹp.  - Chuẩnbị bài tiết sau.  - Nhận xét tiết học. | - 1HS nêu yêu cầu bài tập  Chọn chữ g/ gh điền vào chỗ chấm  **\* Cá nhân: HS** làm bài vào VBT, 1 HS làm bảng phụ  \* **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **Dự kiến câu trả lời**:  + Ngủ dậy, xếp chăn gối.  + Tắm gội.  + Ăn tối, lau bàn ghế.  - HS trả lời: Bạn nữ làm mỗi việc trong ngày rất hợp lí và khoa học.  **\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 17 - MRVT Trẻ em (tiếp theo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Yêu cầu HS nêu từ chỉ hoạt động, tính nết trẻ em.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát 1 bài.  **\* Cá nhân:** Nêu từ chỉ hoạt động, tính nết trẻ em.  **\*Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  + Các từ chỉ hoạt động của trẻ em: đá bóng, nhảy dây, ca hát, quét nhà,...  + Các từ chỉ tính nết của trẻ em: nũng nịu, đáng yêu, dễ thương,…  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tựa bài. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành**  **Bài 3: Luyện từ**  **Bước 1: Hoạt động cả lớp**  - GV yc HS đọc yêu cầu Bài tập 3:  - GV hướng dẫn HS quan sát mẫu và tìm các từ ngữ có tiếng sách, học.  **Bước 2: Hoạt động nhóm**  - GV yêu cầu mỗi HS tìm 2 từ cho mỗi nhóm từ có tiếng học và tiếng sách, ghi vào thẻ từ.  -Giải nghĩa cho hs hiểu một số từ : học hỏi  là tự nghiên cứu tìm tòi, hoặc hỏi han để biết có thêm kiến thức.  -GV nhận xét, tuyên dương.  -Chuyển sang hoạt động tiếp theo | -1 em đọc bài Tìm các từ ngữ:  a. Có tiếng sách M: sách vở.  b. Có tiếng học M: học bài.  - HS nêu yêu cầu quan sát mẫu và tìm các từ ngữ có tiếng sách, học.  - HS thực hiện yêu cầu GV giao.  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  **- Nhóm 2:** Đổi vở kiểm tra đánh giá bạn.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  - Nêu từ:  a. Các từ ngữ có tiếng "sách": sách vở, quyển sách, cặp sách, sách giáo khoa,...  b. Các từ ngữ có tiếng "học": học bài, đi học, học hành, chăm học, học hỏi,...  - HS giải nghĩa theo ý hiểu.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |
| **Bài 4: Luyện câu**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu học sinh đặt câu có chứa từ ngữ vừa tìm được ở Bài tập 3.  - GV yêu cầu 2-3 HS đại diện nói trước lớp câu vừa đặt  - Gv vở nhận xét,sửa sai.  **-Chốt**: Khi đặt câu em cần lưu ý điều gì?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\*Dự kiến:**  + Hằng ngày, em chuẩn bị đầy đủ sách vở đi học.  + Bạn Hoa rất chăm học.  - Đầu câu và tên riêng viết hoa, cuối câu có dấu chấm.  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**  - Gọi HS nêu nội dung bài học.  - Em về nhà cùng người thân tìm từ và đặt câu các từ tìm được.  - GV nhận xét khen hs  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới  - Nhận xét tiết học | - HS nêu nội dung bài.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| **TIẾT 18 - Nghe – kể Thử tài** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát  - Kiểm tra dụng cụ học tập – Nhận xét.  - HS lắng nghe  -HS nhắc lại tựa |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành**  **Bài 5a: GV kể chuyện Thử tài**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  -Yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết câu chuyện có những nhân vật nào?  - GV đọc chuyện Thử tài cho cả lớp nghe (GV vừa kể vừa kết hợp chỉ vào tranh minh họa để HS dễ hình dung hơn câu chuyện).  - GV kể câu chuyện lần thứ hai. GV yêu cầu HS vừa nghe vừa kết hợp quan sát tranh minh họa để nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.  - GV yêu cầu HS trao đổi về phán đoán nội dung câu chuyện của mình.  - GV chốt kết quả đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu.  - HS quan sát tranh và lời câu hỏi.  + Câu chuyện có các nhân vật: nhà vua, cậu bé.  - HS lắng nghe.  - **Nhóm 2**: Trao đổi nội dung câu chuyện.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  + Câu chuyện nói về việc nhà vua thử tài cậu bé và truyền đưa cậu vào trường học để nuôi dậy thành tài.  -HS lắng nghe. |
| **Bài 5b: 5.2: Kể từng đoạn của câu chuyện**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh và đọc nội dung phần gợi ý dưới mỗi tranh.  - GV hướng dẫn HS nhớ lại những chi tiết chính của câu chuyện để kể lại từng đoạn của câu chuyện (không bắt buộc HS kể đúng từng câu chữ).  - GV giao việc theo nhóm 4. Nối tiếp từng HS kể lại 1 đoạn của câu chuyện theo tranh.  - GV mời đại diện nhóm kể lại câu chuyện trước lớp.  - GV khen ngợi những HS nhớ đúng và có cách kể chuyện hay. | - HS nêu yêu cầu.  - HS lắng nghe, quan sát tranh, nhớ những chi tiết chính trong từng đoạn.  - **Cá nhân:** HS đọc phần nội dung gợi ý. Nhớ chi tiết chính của truyện.  - **Nhóm 4**: Nối tiếp nhau kể từng đoạn câu chuyện.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe. |
| **Bài 5c: 5.3. Kể toàn bộ câu chuyện**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - GV giao việc cho nhóm 2 kể lại toàn bộ câu chuyện. HS bổ sung, nhận xét cho nhau  - GV mời đại diện HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện trước lớp (GV hỗ trợ HS nếu cần thiết).  - Yêu cầu HS nhận xét theo tiêu trí  1. Kể đúng nội dung  2. Giọng kể nhân vật.  - GV nhận xét phần kể chuyện của HS.  - GV khen ngợi HS nhớ, kể đúng được nội dung của câu chuyện.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Em hãy nói về nhân vật mà em thích. Vì sao em thích nhân vật đó.  + Câu chuyện nói về nội dung gì?  - GV nhận xét, khen ngợi HS. | - HS nêu yêu cầu.  **\* Cá nhân :** kể được toàn bộ câu chuyện.  - **Nhóm 2**: Nối tiếp nhau kể từng đoạn câu chuyện.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - HS trả lời. Nêu lý do em vì sao thích nhân vật đó: tính cách, sự thông minh, tài giỏi,....  - Nội dung của câu chuyện: Cậu bé thông minh đã vượt qua được thử thách của nhà vua, được nhà vua thưởng rất hậu và đưa vào trường học để nuôi dậy thành tài.  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**  - Nêu lại ND bài ?  - Đánh giá tiết học.  **\* Ứng dụng:** Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - GV nhận xét khen hs  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới  - Nhận xét tiết học. | **\* Cá nhân :** Trả lời câu hỏi của GV.  **\* Toàn lớp:** Tự nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành kiến thức.  - HS lắng nghe. |

***IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 19 + 20**

**Viết thời gian biểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi tựa. | **\*BHT điều khiển:**  - Lớp hát  - Kiểm tra dụng cụ học tập – Nhận xét.  - HS lắng nghe  -HS nhắc lại tựa |
| **Hoạt động 2: Luyện tập – Thực hành**  **Bài 6a:**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn HS mở lại SHS trang 13 để quan sát và đọc lại thời gian biểu của bạn Lê Đình Anh.  - YC HS thảo luận nhóm đôi. Từng HS trả lời câu hỏi trong Bài tập 6a, cả nhóm thống nhất câu trả lời.  - HS mời đại diện HS trình bày kết quả.  - GV nhận xét.- GV chốt kết quả đúng. | - HS nêu yêu cầu.  - HS quan sát tranh và đọc lại thời gian biểu của bạn Lê Đình Anh.  - **Cá nhân**: H/s suy nghĩ câu trả lời.  - **Nhóm 2**: Nói cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  - Bạn Đình Anh lập thời gian biểu cho những buổi nào trong ngày?  + Bạn Đình Anh lập thời gian biểu cho: buổi sáng, trưa, chiều, tối.  - Mỗi cột trong thời gian biểu viết những nội dung  + Mỗi cột trong thời gian biểu viết những nội dung: thời gian, công việc.  -HS lắng nghe. |
| **Bài 6b: Viết thời gian biểu**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  -Dựa vào TGB của bạn em hãy viết thời gian biểu 1 buổi trong ngày của em vào vở bài tập.  -HD hs cách trình bày  +Ghi buổi , ghi rõ thời gian  - GV nhận xét, khen ngợi.  - GV đánh giá, nhận xét bài thực hành của HS.  - Thời gian biểu rất cần thiết cho mọi người kể cả người lớn và trẻ em. Có thời gian biểu ghi công công việc và thời gian làm việc đó thì công việc em muốn làm sẽ rất hiệu quả  - Thảo luận với cha mẹ lập cho mình một thời gian biểu. | - HS nêu yêu cầu.  -HS quan sát tranh  - Nhìn vào thời gian biểu, em hãy cho biết những việc bạn nhỏ đã thực hiện trong một ngày?  +Đánh răng,đi học, chơi thể thao, tưới cây, ăn tối, đi ngủ  -Những vệc đó theo em bạn đã làm vào thời gian nào trong ngày là hợp lý?  + Buổi sáng, chiều và tối  - **Cá nhân**: HS làm vở bài tập.  - **Nhóm 4**: Chia sẻ cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  **- Thời gian biểu buổi sáng (thứ 2)**   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Công việc** | | 6h – 6h30 | Thức dậy, tập thể dục, vệ sinh cá nhân | | 6h30 – 7h | Ăn sáng | | 7h – 7h30 | Đến trường | | 7h30 – 11h | Học tại trường |   **- Thời gian biểu buổi sáng (chủ nhật)**   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Công việc** | | 6h – 6h30 | Thức dậy, tập thể dục, vệ sinh cá nhân | | 6h30 – 7h | Ăn sáng | | 7h – 8h30 | Dọn dẹp nhà cửa, phòng riêng | | 8h30 – 10h | Tới thăm bà ngoại | | 10h – 11h | Giúp mẹ nấu cơm |   **- Thời gian biểu buổi tối**   |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Công việc** | | 18h – 18h30 | Tắm giặt | | 18h30 – 19h | Phụ mẹ nấu nướng | | 19h – 19h30 | Ăn tối | | 19h30 – 20h | Chơi với em hoặc xem ti vi | | 20h – 21h45 | Học bài | | 21h45 – 22h | Đánh răng | | 22h | Đi ngủ | |
| **1.1.Chia sẻ một truyện đã đọc về trẻ em**  **Bài tập 1a:**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS chia sẻ về bài đã đọc, nêu được: tên truyện, tên tác giả, tên nhân vật, thông tin em biết, ấn tượng, thích thú.  -Yêu cầu HS nói cho bạn nghe theo nhóm 2: chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc Qua câu chuyện em đã đọc em hiểu thêm được điều gì?  -Yêu cầu HS các nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu một số câu chuyện hay về trẻ em: Trăng sáng sân nhà em, Tay bé,... | - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s nêu tên một số truyện hay đã đọc và đã sưu tầm đọc viết về trẻ em.  - **Nhóm 2**: Chia sẻ cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  Câu chuyện gần đây em được đọc là “**Cuộc chia tay của những con búp bê”**của tác giả Khánh Hoài.  - HS lắng nghe. |
| **\*Bài tập 1b :Viết phiếu đọc sách**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS: HS cần nhớ tên bài đọc, tên tác giả, thông tin em biết một cách chính xác trong bài đọc để điền vào vở bài tập.  - Yêu cầu HS viết Phiếu đọc sách vào vở bài tập: tên truyện, tên tác giả, thông tin em biết.  - GV mời đại diện HS đọc bài.  - GV nhận xét, đánh giá, sửa bài cho HS (nếu chưa đúng). | - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s Làm bài  - **Nhóm 2**: Chia sẻ cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  Câu chuyện gần đây em được đọc là “**Cuộc chia tay của những con búp bê”**của tác giả Khánh Hoài. Câu chuyện kể về cuộc chia tay của hai anh em Thành – Thủy khi bố mẹ hai bạn li hôn. Truyện ngắn được trao giải Nhì trong cuộc thi thơ – văn viết về quyền trẻ em do Viện Khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Rát-đa Bác-nen – Thụy Điển tổ chức năm 1992.  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 3: Vận dụng, trải nghiệm**  **2.Chơi trò chơi: Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí.***  **2.1.Trang trí thời gian biểu**  **\*Bài tập 2a :Trang trí thời gian biểu**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS chuẩn bị: bút chì, bút màu, giấy vẽ thủ công, kéo, hồ nước,....  - HS có thể vẽ đơn giản hoặc cắt dán các hình trang trí khác nhau tùy vào khả năng của mỗi em.  - Yêu cầu HS trang trí thời gian biểu trong ngày vào vở bài tập.  - Yêu cầu HS chia sẻ cách trang trí thời gian biểu của em cho các bạn cùng lớp.  - GV mời đại diện HS xung phong trình bày bài trang trí thời gian biểu trước lớp.  - GV khen ngợi, động viên những HS có ý tưởng hay, trang trí đẹp. | - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s Làm bài  - **Nhóm 4**: Chia sẻ cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe. |
| **2.2.Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu**  **\*Bài tập 2b :Nói với bạn một việc làm em viết trong thời gian biểu**  - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài.  - YCHS nói thời gian việc làm đó (vào buổi nào, lúc mấy giờ), công việc em làm là gì?  - YCHS thảo luận nhóm đôi. Từng HS nói về việc làm em viết trong thời gian biểu.  - GV hướng dẫn HS có thể nói thêm: sau khi làm việc đó em có suy nghĩ gì, em có hoàn thành tất cả mọi việc đã được viết trong thời gian biểu không,....  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp.  - GV khen ngợi, động viên HS trình bày rõ ràng, giọng nói, điệu bộ linh hoạt.  - Đọc lại bài và chuẩn bị bài tới  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu yêu cầu.  - **Cá nhân**: H/s suy nghĩ thời gian biểu của mình.  - **Nhóm 2**: Chia sẻ cho nhau nghe.  **- Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |

***IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***